



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BCTC HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 25

8-C
TY
HỮU
A ĐINH
KA
T

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

Khái quát chung về các Công ty con của Công ty:

1.	Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 210400007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/12/2005.
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300342329 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23/07/2008.
3.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0803000490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/12/2008.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tỏi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính), (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;

Địa chỉ: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Thành viên
Ông Đặng Đức Dũng	Thành viên
Ông Lê Quốc Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Anh Vương	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Phó giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Phó giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 01/01/2012 đến 30/06/2012.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT



Trần Anh Vương

Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2012

Số : 62012/BCHN-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2012

BÁO CÁO
Kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 được lập ngày 16 tháng 08 năm 2012 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 25 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo soát về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi chưa cung cấp được bảng tính giá thành của Công ty CP Công nghệ Bắc Việt cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 và chưa xác định được giá trị dở dang của Công ty tại thời điểm 30/06/2012 (Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty CP Công nghệ Bắc Việt được trình bày tại mục 3 phần V bản thuyết minh Báo cáo tài chính).

Khoản chi phí tiền lương phát sinh trong kỳ của Công ty Cổ phần công nghệ Bắc Việt (công ty con) với giá trị là 1.263.241.000 đồng chưa được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Do đó bất cứ sự điều chỉnh nào liên quan đến khoản mục nêu trên đều ảnh hưởng đến Báo cáo soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài các vấn đề nêu trên chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực và Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy nhiên chúng tôi xin lưu ý Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty đã có ý kiến ngoại trừ về việc chuyển nhượng 2.000.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần kim khí Bắc Việt (Công ty con) cho Ông Nguyễn Văn Mừng. Trong công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 chúng tôi không thu thập được thêm các bằng chứng kiểm toán để xem xét ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Báo cáo kiểm toán được lập thành tám (08) bản bằng tiếng Việt và tám (08) bản bằng tiếng Anh. Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt giữ 07 bản tiếng Việt và 07 bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

2022
ÔNG
NHÌ
TOÁN V
IỆT
GIẤY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		302.432.711.942	283.060.280.099
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.769.791.391	5.721.784.417
1 Tiền	111	V.1.	2.769.791.391	5.721.784.417
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		146.131.401.482	137.196.671.753
1 Phải thu của khách hàng	131		98.983.795.435	88.523.378.804
2 Trả trước cho người bán	132		698.217.043	637.484.468
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	49.571.040.147	51.157.459.624
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.121.651.143)	(3.121.651.143)
IV Hàng tồn kho	140		143.562.445.931	127.722.229.483
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	143.562.445.931	127.722.229.483
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		9.969.073.138	12.419.594.446
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.406.281.177	1.108.169.214
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.194.768.271	2.980.665.234
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	126.868.907	101.904.486
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5.	6.241.154.783	8.228.855.512
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		197.881.217.355	188.242.716.638
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		176.018.024.588	166.616.773.969
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	151.761.916.758	150.221.308.456
- Nguyên giá	222		210.061.303.741	199.592.175.446
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.299.386.983)	(49.370.866.990)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	4.814.731.806	4.941.151.213
- Nguyên giá	228		5.943.395.390	5.943.395.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.128.663.584)	(1.002.244.177)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	19.441.376.024	11.454.314.300
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9.1	12.065.165.199	12.318.616.507
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.707.421.203	8.018.817.911
3 Đầu tư dài hạn khác	258		4.357.743.996	4.299.798.596
V Tài sản dài hạn khác	260		4.452.216.138	3.672.551.952
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	4.251.591.907	3.471.927.721
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		200.624.231	200.624.231
VI Lợi thế thương mại	269		5.345.811.430	5.634.774.210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		500.313.929.297	471.302.996.737

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của BCTC hợp nhất giữa niên độ này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		390.796.568.249	340.416.939.240
I Nợ ngắn hạn	310		342.359.181.352	282.090.032.296
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	246.361.186.685	216.851.245.619
2 Phải trả người bán	312		85.186.452.602	56.019.534.698
3 Người mua trả tiền trước	313		6.975.706.894	2.248.771.485
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	310.390.412	3.014.868.632
5 Phải trả người lao động	315		759.671.100	1.814.624.112
6 Chi phí phải trả	316		72.493.165	327.632.368
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	1.987.097.919	1.062.300.644
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		706.182.575	751.054.738
II Nợ dài hạn	330		48.437.386.897	58.326.906.944
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	47.859.865.574	58.326.906.944
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		577.521.323	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		103.857.064.433	123.252.288.591
I Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	103.857.064.433	123.252.288.591
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		16.503.370.800	16.503.370.800
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		6.719.029.425	5.997.059.645
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.137.798.402	1.041.535.765
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		150.037.319	101.906.000
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(18.162.651.513)	2.098.936.381
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		5.660.296.615	7.633.768.906
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		500.313.929.297	471.302.996.737

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của BCTC hợp nhất giữa niên độ này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16.	336.330.001.923	291.370.472.114
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.17.	207.883.681	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.18.	336.122.118.242	291.370.472.114
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.19.	316.891.325.793	259.114.046.254
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		19.230.792.449	32.256.425.860
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20.	51.703.375	1.097.942.823
7 Chi phí tài chính	22	VI.21.	27.378.765.168	27.930.492.349
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.059.258.046	22.695.356.129
8 Chi phí bán hàng	24		1.798.423.961	3.225.229.366
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.057.649.893	16.187.106.009
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(20.952.343.198)	(13.988.459.041)
11 Thu nhập khác	31		6.942.094	46.003.876
12 Chi phí khác	32		15.636.000	110.313.414
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(8.693.906)	(64.309.538)
14 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(311.396.708)	(221.712.601)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(21.272.433.812)	(14.274.481.180)
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	237.709.632
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(21.272.433.812)	(14.512.190.812)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(1.973.472.291)	353.718.674
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(19.298.961.521)	(14.865.909.485)
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21.	(1.979)	(1.525)

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập



Nguyễn Thị Thông

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng



Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của BCTC hợp nhất giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		416.611.978.179	389.383.619.424
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(396.509.367.556)	(357.548.670.707)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.798.743.946)	(16.461.332.461)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(32.002.442.153)	(21.687.505.335)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(24.964.421)	(892.977.035)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.401.999.770	5.961.748.926
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10.592.685.026)	(9.848.462.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.914.225.153)	(11.093.579.409)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(74.425.544)	(1.226.477.332)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(57.945.400)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	914.259.660
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51.703.375	996.959.593
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(80.667.569)	684.741.921
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		257.890.717.810	203.342.516.491
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(238.847.818.114)	(218.242.159.515)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		19.042.899.696	(14.899.643.024)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2.951.993.026)	(25.308.480.512)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1.	5.721.784.417	29.932.374.569
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	983.230
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	2.769.791.391	4.624.877.287

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của BCTC hợp nhất giữa niên độ này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt thép, kim khí xây dựng cơ bản và gia công sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép kết cấu thép...

3. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tôi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính), (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;

Địa chỉ: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: 04 3655 9257 Fax: 04 3873 3648

4. Danh sách các công ty con được hợp nhất của Công ty

- Số lượng công ty con: 3 công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty

1.	Công ty TNHH Kết Cấu Thép Bắc Việt	Địa chỉ: xã Phương Liểu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
2.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Địa chỉ: Thôn Tô Hiệu, Đông Quang, Đông Hưng, Thái Bình Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 91%
3.	Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Địa chỉ: xã Phương Liểu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 79% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65%

5. **Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong BCTC hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

1.	Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt	Địa chỉ: Số 109/53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội Tỷ lệ phần sở hữu: 34% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 34%
2.	Công ty CP Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt	Địa chỉ: A14, Khu Công Đoàn Võng Thị, Tây Hồ, Hà Nội Tỷ lệ phần sở hữu: 25% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%

II. **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp. Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày BCTC hợp nhất giữa niên độ này.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 30/06/2012. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó không được ghi nhận.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm></u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6-25
Máy móc, thiết bị	3-13
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6-13
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-20
Tài sản cố định khác	6

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất có thời hạn 45 năm, phần mềm kế toán Misa và phần mềm quản lý Easy Biz và tài sản cố định vô hình khác.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Quyền sử dụng đất	45-48
Phần mềm máy vi tính	4
TSCĐ vô hình khác	5

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty TNHH MTV Lim Royal, Công ty Cổ phần Xây dựng Hanel được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Giá trị bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê;

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thép, xà gỗ, kết cấu thép, gia công kết cấu thép, cắt thép, ống thép, khuôn mẫu - nhựa cao cấp và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

202
ÔNG
H NHIE
TOÁN
IỆT
GIẤY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

13.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ của đơn vị là chi phí đóng góp xây dựng hạ tầng kỹ thuật liên kết khu công nghiệp Quế Võ, đầu tư xây dựng dự án của Công ty CP công nghiệp Bắc Việt tại Thái Bình...

13.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

13.4 Các nghĩa vụ về thuế**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 10% đối với sản phẩm thép và gia công thép và các sản phẩm khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên thuế suất và thu nhập chịu thuế của từng Công ty trong tập đoàn.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

13.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	250.963.588	1.631.036.862
Tiền gửi ngân hàng	2.518.827.803	4.090.747.555
Cộng	2.769.791.391	5.721.784.417

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu khác	49.571.040.147	51.157.459.624
- Nguyễn Ngọc Mẫn	171.308.036	171.308.036
- Vũ Hữu Trí	-	1.095.000.000
- Nguyễn Văn Mừng	47.520.000.000	48.000.000.000
- Các đối tượng khác	1.879.732.111	1.891.151.588
Cộng	49.571.040.147	51.157.459.624
3. Hàng tồn kho	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.105.173.654	2.623.390.065
Công cụ, dụng cụ	257.194.321	587.235.430
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	63.143.034.054	35.040.321.118
Thành phẩm	20.582.984.142	26.885.935.222
Hàng hoá	57.474.059.760	62.585.347.648
Cộng giá gốc hàng tồn kho	143.562.445.931	127.722.229.483
(*) Trong tổng số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có 41.190.805.633 đồng là chi phí dở dang của Công ty CP Công nghệ Bắc Việt.		
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	126.868.907	101.904.486
Cộng	126.868.907	101.904.486
5. Tài sản ngắn hạn khác	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	3.887.692.451	1.722.991.112
Tạ Anh Tuấn	154.183.600	94.207.790
Trần Anh Vương	373.986.891	53.986.891
Vũ Hữu Trí	1.394.453.115	-
Nguyễn Hữu Bảo	68.085.548	174.835.548
Ngô Nhật Văn	679.560.428	348.938.628
Các đối tượng khác	1.217.422.869	1.051.022.255
Các khoản thế chấp, ký quỹ ký cược	2.353.462.332	6.505.864.400
Cộng	6.241.154.783	8.228.855.512

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2012	54.810.686.576	115.725.475.241	21.557.870.429	3.183.683.743	4.314.459.457	199.592.175.446
Mua trong kỳ	75.561.896	9.480.757.889	130.000.000	124.170.909	658.637.601	10.469.128.295
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2012	54.886.248.472	125.206.233.130	21.687.870.429	3.307.854.652	4.973.097.058	210.061.303.741
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2012	13.710.412.450	25.311.716.349	7.859.012.079	1.745.802.614	743.923.498	49.370.866.990
Khấu hao trong kỳ	1.806.476.932	5.750.209.867	977.362.818	198.764.318	195.706.058	8.928.519.993
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2012	15.516.889.382	31.061.926.216	8.836.374.897	1.944.566.932	939.629.556	58.299.386.983
Giá trị còn lại						
Số dư ngày 01/01/2012	41.100.274.126	90.413.758.892	13.698.858.350	1.437.881.129	3.570.535.959	150.221.308.456
Tại ngày 30/06/2012	39.369.359.090	94.144.306.914	12.851.495.532	1.363.287.720	4.033.467.502	151.761.916.758

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 116.314.144.014 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.375.965.581 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2012	5.050.655.390	552.740.000	340.000.000	5.943.395.390
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2012	5.050.655.390	552.740.000	340.000.000	5.943.395.390
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2012	264.061.530	415.182.652	322.999.995	1.002.244.177
Khấu hao trong kỳ	57.835.404	51.583.998	17.000.005	126.419.407
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2012	321.896.934	466.766.650	340.000.000	1.128.663.584
Tại ngày 01/01/2012	4.786.593.860	137.557.348	17.000.005	4.941.151.213
Tại ngày 30/06/2012	4.728.758.456	85.973.350	-	4.814.731.806

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

30/06/2012

01/01/2012

VND

VND

Dự án Logictis Bắc Ninh và công nghệ Lý Thái Tổ	215.207.732	215.207.732
Công trình nhà xưởng công nghệ	3.489.960.914	5.674.467.190
Công trình nhà xưởng Thái Bình	15.509.700.027	5.338.132.027
Công trình khác	226.507.351	226.507.351
Cộng	19.441.376.024	11.454.314.300

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

9.1 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

30/06/2012

01/01/2012

VND

VND

Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt	5.103.507.421	5.318.056.103
Công ty Cổ phần thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt	2.603.913.782	2.700.761.808
Cộng	7.707.421.203	8.018.817.911

9.2 Đầu tư dài hạn khác

30/06/2012

01/01/2012

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Công ty CP Xây dựng Hanel	-	1.452.457.000	-	1.452.457.000
Công ty TNHH MTV LIM ROYAL	-	2.905.286.996	-	2.847.341.596
Cộng	-	4.357.743.996	-	4.299.798.596

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.828.989.891	2.289.334.499
Chi phí khác	1.422.602.016	1.182.593.222
Cộng	4.251.591.907	3.471.927.721
11. Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	246.361.186.685	216.851.245.619
Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex (1)	142.422.174.048	129.977.378.000
Ngân hàng Indovina - PGD Mỹ Đình(2)	59.179.360.000	47.175.772.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt(3)	38.630.000.000	34.180.000.000
Tạ Thị Thu Hằng	200.000.000	-
Vũ Hồng Thủy	1.673.089.255	1.743.400.830
Nguyễn Vũ Giang	93.959.099	85.067.465
Nguyễn Văn Mừng	1.292.382.768	238.919.646
Các đối tượng khác	2.870.221.515	3.450.707.678
Cộng	246.361.186.685	216.851.245.619
<i>(1) là khoản vay bao gồm các hợp đồng sau:</i>		
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ.		
- Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo hợp đồng hạn mức số 4444.107 ngày 25 tháng 08 năm 2011 với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng, tài sản đảm bảo là hàng hóa luân chuyển với tổng giá trị là 71,5 tỷ đồng.		
<i>(2) Theo HĐ hạn mức tín dụng số 019/IVBMD - HĐHM/2012 ký ngày 27/03/2012, hạn mức 3.000.000 USD, mục đích vay là sử dụng để tài trợ một phần vốn lưu động của Bên Vay, Lãi suất áp dụng cho khoản vay sẽ được xác định tại thời điểm giải ngân, lãi suất tại thời điểm 27/3 là 19,5%/năm đối với VND và 6,8%/năm đối với USD. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất 42.350 m2 tại Cụm khu công nghiệp Vinashin Đình Vũ, Hải Phòng có tổng giá trị là: 13.600.878.958 VND và toàn bộ hàng hóa tồn kho của công ty hình thành từ nguồn vốn vay ngân hàng Indovina.</i>		
<i>(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 118.2011.HĐTD ngày 14/07/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo thứ nhất là tiền đền bù và tài sản gắn liền trên đất thuộc nhà máy sản xuất kết cấu thép tại thôn Giang Liễn, Quê Võ, Bắc Ninh trị giá 6 tỷ đồng, thứ hai là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải có tổng giá trị là 13,9 tỷ đồng, thứ ba là hàng hóa luân chuyển và các khoản phải thu.</i>		
12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	113.955.482	2.868.389.489

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.862.386	47.862.386
Thuế thu nhập cá nhân	148.572.544	98.616.757
Cộng	310.390.412	3.014.868.632

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	406.917.629	331.970.629
Bảo hiểm xã hội, y tế	1.164.010.421	255.390.346
Phải trả, phải nộp khác	416.169.869	474.939.669
Cộng	1.987.097.919	1.062.300.644

14. Vay và nợ dài hạn	Lãi suất	30/06/2012	01/01/2012
	%/năm	VND	VND
Vay dài hạn		47.859.865.574	58.326.906.944
Ngân hàng Thương mại Cổ phần PG Bank	17- 23	47.859.865.574	58.326.906.944
Cộng		47.859.865.574	58.326.906.944

15. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	97.509.480.000	16.503.370.800	3.269.945.901	117.282.796.701
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	962.626.373	962.626.373
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(2.133.635.893)	(2.133.635.893)
Số dư tại ngày 31/12/2012	97.509.480.000	16.503.370.800	2.098.936.381	116.111.787.181
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	(19.298.961.521)	(19.298.961.521)
Giảm khác	-	-	(962.626.373)	(962.626.373)
Số dư tại ngày 30/06/12	97.509.480.000	16.503.370.800	(18.162.651.513)	95.850.199.287

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	97.509.480.000	97.509.480.000
Cộng	97.509.480.000	97.509.480.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	97.509.480.000	97.509.480.000
Vốn góp đầu kỳ	97.509.480.000	70.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	27.509.480.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	97.509.480.000	97.509.480.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (trích quỹ)	-	2.039.041.863

d) Cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.800.000	9.750.948
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e) Các quỹ của công ty

	Đơn vị tính: VND		
	01/01/2012	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ
Quỹ đầu tư phát triển	5.997.059.645	721.969.780	-
Quỹ dự phòng tài chính	1.041.535.765	96.262.637	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	101.906.000	48.131.319	-
Tổng cộng	7.140.501.410	866.363.736	-
			30/06/2012
			8.006.865.146

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

Mục đích trích lập các quỹ tại Công ty

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	336.330.001.923	291.370.472.114
Cộng	336.330.001.923	291.370.472.114
17. Các khoản giảm trừ doanh thu	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Hàng bán trả lại	207.883.681	-
Cộng	207.883.681	-
18. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	336.122.118.242	291.370.472.114
Cộng	336.122.118.242	291.370.472.114
19. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ	316.891.325.793	259.114.046.254
Cộng	316.891.325.793	259.114.046.254
20. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	51.703.375	96.959.593
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	983.230
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.000.000.000
Cộng	51.703.375	1.097.942.823

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

21. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.059.258.046	22.695.356.129
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	319.507.122	4.320.876.560
Chi phí tài chính khác	-	914.259.660
Cộng	27.378.765.168	27.930.492.349
23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
		VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		135.236.973.636
Chi phí nhân công		11.437.174.603
Chi phí công cụ dụng cụ		84.929.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định		8.854.931.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài		4.754.210.494
Chi phí khác bằng tiền		3.327.141.797
Cộng		163.695.361.937
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(19.298.961.521)	(14.865.909.485)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.750.948	9.750.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.979)	(1.525)

24. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Người lập



Nguyễn Thị Thông

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT



Trần Anh Vương